

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 7 - 2025

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang,

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Văn và ông Trương Quang Lương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoà, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 56/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thái L, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Cụm D, tổ dân phố D, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (Nay là: Cụm D, tổ dân phố D B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị), có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Cụm D, tổ dân phố D, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (Nay là: Cụm D, tổ dân phố D B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị); địa chỉ báo tin: Thôn X, xã Đ, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 15 tháng 5 năm 2025 được bổ sung tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thái L trình bày: Anh và chị Đỗ Thị T tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 26/02/2002. Quá trình chung sống đến nay đã 22 năm, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống dẫn tới không thể hoà hợp. Nhiều lần anh chị đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chỉ được một thời gian ngắn lại xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn. Vợ chồng không thể chung sống cùng nhau, anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Hiện nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên là Nguyễn Thái T1, sinh ngày 19/7/2002 và Nguyễn Thị Thu S, sinh ngày 29/8/2004. Hiện các cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đỗ Thị T trình bày tại bản tự khai ngày 10/6/2025: Chị và anh Nguyễn Thái L có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2002 tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên tinh thần tự nguyện. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian ngắn thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng cãi vã, xúc phạm nhau, mặc dù anh chị đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm không còn nên anh L xin ly hôn chị cũng đồng ý.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên là Nguyễn Thái T1, sinh ngày 19/7/2002 và Nguyễn Thị Thu S, sinh ngày 29/8/2004. Hiện các cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị đang đi điều trị bệnh ở xa nên không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, ngày 10/6/2025 chị T đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Thái L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Đỗ Thị T có địa chỉ tại Cụm D, tổ dân phố D, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (Nay là: Cụm D, tổ dân phố D B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị). Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 1 có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Đỗ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt do đang đi điều trị bệnh ở xa không thể về theo giấy triệu tập của Tòa án, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thái L và chị Đỗ Thị T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Theo anh L trình bày: Quá trình sống chung, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, sau nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng tình trạng vợ chồng không cải thiện được, không ai quan tâm đến ai, không lo lắng gì cho nhau. Chị L cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, anh chị đã sống ly thân và không thể quay về chung sống cùng nhau được nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thái L.

[4] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Thái L và chị Đỗ Thị T thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thái T1, sinh ngày 19/7/2002 và Nguyễn Thị Thu S, sinh ngày 29/8/2004. Các con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Thái L và chị Đỗ Thị T không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Thái L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thái L và chị Đỗ Thị T.

2. Về nuôi con chung: Không giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Thái L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền án phí ly hôn anh L phải nộp được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án thành phố Đồng Hới theo biên lai số BLTU/23/0001725, ngày 26 tháng 5 năm 2025.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thái L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/7/2025); chị Đỗ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1 - Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND phường Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Mỹ Trang

